

Số: /2017/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

**DỰ THẢO**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 75/2013/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ, chính sách và công tác bảo đảm đối với tổ chức, cá nhân làm nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;*

*Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;*

*Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 75/2013/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ, chính sách và công tác bảo đảm đối với tổ chức, cá nhân làm nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 75/2013/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ, chính sách và công tác bảo đảm đối với tổ chức, cá nhân làm nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ, như sau:**

1. Điểm d Khoản 1 Điều 3 được sửa đổi như sau:

“d) Bồi dưỡng sức khỏe: Mức 500.000 đồng/người (không quá 02 lần/năm)”.

2. Khoản 2 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Khi làm nhiệm vụ ở trong nước

a) Phụ cấp trách nhiệm: Mức 0,5 so với mức lương cơ sở;



b) Bồi dưỡng trực tiếp làm nhiệm vụ khảo sát, cất bốc, quy tập hài cốt liệt sĩ: Mức 220.000 đồng/người/ngày thực tế làm nhiệm vụ. Trong thời gian làm nhiệm vụ nếu hưởng tiền bồi dưỡng thì thôi hưởng chế độ công tác phí;

c) Bồi dưỡng sức khỏe: Mức 500.000 đồng/người (không quá 02 lần/năm);

d) Được ăn thêm bằng mức tiền ăn cơ bản của hạ sĩ quan, binh sĩ bộ binh;

đ) Được cấp trang phục chuyên dùng bằng hiện vật theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này”.

3. Khoản 1 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Chế độ sinh hoạt phí: Mức 220.000 đồng/người/ngày thực tế trực tiếp đi kiểm tra, chỉ đạo công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ ở trong nước và ngoài nước. Trường hợp hưởng chế độ sinh hoạt phí thì không hưởng chế độ phụ cấp lưu trú theo quy định đối với cán bộ, công chức đi công tác trong nước”.

4. Điểm a Khoản 1 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Mức 220.000 đồng/người/ngày thực tế được huy động làm nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ ở trong nước và ngoài nước”.

5. Điểm a Khoản 2 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Được bồi dưỡng mức 3.000.000 đồng/đôi với thông tin chính xác, tìm kiếm, quy tập được 01 hài cốt liệt sĩ; mức 5.000.000 đồng/đôi với thông tin chính xác, tìm kiếm, quy tập được một tập thể có từ 02 đến 05 hài cốt liệt sĩ; mức 10.000.000 đồng/đôi với thông tin chính xác, tìm kiếm, quy tập được một tập thể có từ 06 hài cốt liệt sĩ trở lên”.

6. Khoản 1 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Các đội tìm kiếm, quy tập làm nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập ở trong nước và ngoài nước được bảo đảm:

a) Trang bị, phương tiện chuyên dụng, hậu cần, đời sống theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Chi bảo đảm xăng dầu;

c) Kinh phí làm nhà tạm mức 150.000.000 đồng/nhà/đội;

d) Chi cất bốc mộ liệt sĩ có hài cốt mức 1.000.000 đồng/mộ;

đ) Chi sửa chữa, thay thế phụ tùng ô tô mức 40.000.000 đồng/xe/năm;

e) Chi hỗ trợ cho Ban Công tác đặc biệt, Ban Chuyên trách cấp tỉnh của Ban làm lễ tiễn hài cốt liệt sĩ mức 30.000.000 đồng/lần, không quá 02 lần/năm;



g) Chi hỗ trợ vận động nhân dân nước Bạn mức 30.000.000 đồng/đội/năm đối với một tỉnh Bạn;

h) Chi mua thuốc phòng và chữa bệnh thông thường mức 20.000.000 đồng/đội/năm (ngoài nguồn thuốc Bộ Quốc phòng cấp theo chế độ);

i) Chi mua quà đối ngoại khi sang nước Bạn phối hợp triển khai nhiệm vụ mức 30.000.000 đồng/lần, không quá 02 lần/đội/năm đối với một tỉnh Bạn;

k) Chi thanh toán viện phí, vận chuyển bệnh nhân; mua thiết bị lọc nước; lệ phí hộ chiếu, các phí, lệ phí khác; thuê phương tiện, đền bù thiệt hại về công trình, cây cối, hoa màu (nếu có) trong quá trình làm nhiệm vụ;

l) Chi mua dụng cụ phục vụ đào bới (cuốc, xẻng, xà beng, dao, rựa và các dụng cụ khác) mức 10.000.000 đồng/đội/năm”.

7. Điểm a Khoản 2 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Trang bị, phương tiện thực hiện theo quy định tại Phụ lục III, ban hành kèm theo Quyết định này”.

8. Quy định chuyển tiếp

“Những trang phục chuyên dùng bằng hiện vật đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng biên chế ở các Đội tìm kiếm, quy tập; trang bị, phương tiện chuyên dụng, hậu cần, đời sống bảo đảm cho Đội tìm kiếm, quy tập; trang bị, phương tiện bảo đảm cho Ban Chỉ đạo, Ban Công tác đặc biệt, Ủy ban chuyên trách, Văn phòng, cơ quan Thường trực, cơ quan chuyên môn các cấp quy định trong Phụ lục I, II và Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định số 75/2013/QĐ-TTg vẫn còn niên hạn sử dụng, được áp dụng thực hiện theo quy định tại Phụ lục I, II và Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này”.

## **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày      tháng      năm 2017.

2. Bãi bỏ Thông tư liên tịch số 66/2014/TTLT-BQP-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2014 của Bộ Quốc phòng và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 75/2013/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ, chính sách và công tác bảo đảm đối với tổ chức, cá nhân làm nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ.

## **Điều 3. Trách nhiệm thi hành**

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quyết định này.



2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (3b). KN.

**THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Xuân Phúc**



**Phụ lục I**  
**DANH MỤC TRANG PHỤC CHUYÊN DỤNG BẰNG HIỆN VẬT**  
**ĐỐI VỚI QUÂN NHÂN, CÔNG NHÂN VIÊN CHỨC QUỐC PHÒNG**  
**BIÊN CHẾ Ở CÁC ĐỘI QUY TẬP HÀI CỐT LIỆT SĨ**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số        /2017/QĐ-TTg*  
*ngày        tháng        năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ)*

**1. Đối tượng làm nhiệm vụ ở trong nước**

| TT | Mặt hàng                 | Số lượng | Niên hạn |
|----|--------------------------|----------|----------|
| 1. | Võng KapoRông + dây      | 01 cái   | 03 năm   |
| 2. | Tăng Vininon             | 01 cái   | 02 năm   |
| 3. | Giày vải cao cổ màu xanh | 02 đôi   | 01 năm   |
| 4. | Ủng cao su               | 01 đôi   | 01 năm   |
| 5. | Bít tất                  | 02 đôi   | 01 năm   |
| 6. | Găng tay bạt 5 ngón      | 05 đôi   | 01 năm   |
| 7. | Khẩu trang               | 10 cái   | 01 năm   |
| 8. | Quần áo bảo hộ lao động  | 02 bộ    | 01 năm   |
| 9. | Găng tay cao su          | 03 đôi   | 01 năm   |

**2. Đối tượng làm nhiệm vụ ở ngoài nước**

| Đối tượng                                           | Mặt hàng                | Số lượng | Niên hạn |
|-----------------------------------------------------|-------------------------|----------|----------|
| Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp                    | Quần áo ký giả          | 01 bộ    | 03 năm   |
|                                                     | Quần áo thường phục     | 01 bộ    | 01 năm   |
|                                                     | Quần áo bảo hộ lao động | 02 bộ    | 01 năm   |
| Công nhân viên chức quốc phòng, hạ sĩ quan, binh sĩ | Quần áo thường phục     | 02 bộ    | 01 năm   |
|                                                     | Quần áo bảo hộ lao động | 02 bộ    | 01 năm   |



|                                                                                       |                        |        |        |
|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------|--------|
| Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên chức quốc phòng, hạ sĩ quan, binh sĩ | Áo ấm                  | 01 cái | 02 năm |
|                                                                                       | Giày da thường phục    | 01 đôi | 01 năm |
|                                                                                       | Giày vải               | 02 đôi | 01 năm |
|                                                                                       | Ủng cao su             | 01 đôi | 01 năm |
|                                                                                       | Dép lê nhựa            | 01 đôi | 01 năm |
|                                                                                       | Mũ mềm                 | 02 cái | 01 năm |
|                                                                                       | Bít tất                | 02 đôi | 01 năm |
|                                                                                       | Găng tay bạt 5 ngón    | 05 đôi | 01 năm |
|                                                                                       | Găng tay cao su        | 03 đôi | 01 năm |
|                                                                                       | Khẩu trang             | 10 cái | 01 năm |
|                                                                                       | Tăng Vininon           | 01 cái | 01 năm |
|                                                                                       | Võng KapoRông + dây    | 01 cái | 03 năm |
|                                                                                       | Quần áo mưa            | 01 bộ  | 01 năm |
|                                                                                       | Túi du lịch thay ba lô | 01 cái | 02 năm |
|                                                                                       | Bi-đông 1lit + ca      | 01 cái | 04 năm |



**Phụ lục II**  
**DANH MỤC TRANG BỊ, PHƯƠNG TIỆN CHUYÊN DỤNG,**  
**HẬU CẦN, ĐỜI SỐNG BẢO ĐẢM CHO ĐỘI TÌM KIẾM, QUY TẬP**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số ... /2017/QĐ-TTg*  
*ngày ... tháng ... năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ)*

| TT        | Tên trang bị                               | Đơn vị<br>tính | Số<br>lượng/đội | Niên<br>hạn |
|-----------|--------------------------------------------|----------------|-----------------|-------------|
| <b>A.</b> | <b>Xe ô tô, xe mô tô</b>                   |                |                 |             |
| 1.        | Xe ô tô tải Hyundai loại 3,5 tấn (hai cầu) | Chiếc          | 02              |             |
| 2.        | Xe ô tô tải Hyundai loại 1,5 tấn (hai cầu) | Chiếc          | 02              |             |
| 3.        | Xe Hồng cứu thương                         | Chiếc          | 01              |             |
| 4.        | Xe ô tô chỉ huy (hai cầu, gầm cao)         | Chiếc          | 01              |             |
| 5.        | Xe bán tải chở hàng cốt (hai cầu, gầm cao) | Chiếc          | 02              |             |
| 6.        | Xe mô tô Honda                             | Chiếc          | 05              |             |
| <b>B.</b> | <b>Phương tiện chuyên dụng</b>             |                |                 |             |
| 1.        | Máy xúc, đào, ủi, gạt đa năng              | Chiếc          | 01              |             |
| 2.        | Ra đa xuyên đất VMR3                       | Chiếc          | 01              |             |
| 3.        | Máy dò mìn Valon VMH3CS                    | Chiếc          | 01              |             |
| 4.        | Máy định vị (Hiệu Explorit)                | Chiếc          | 01              |             |
| 5.        | Máy Camera nhìn nước dò mìn                | Chiếc          | 01              |             |
| <b>C.</b> | <b>Phương tiện phục vụ TTTT</b>            |                |                 |             |
| 1.        | Máy Camera KTS Sony                        | Chiếc          | 01              | 05 năm      |
| 2.        | Máy ảnh Sony                               | Chiếc          | 01              | 05 năm      |
| 3.        | Laptop + Máy in đồng bộ                    | Bộ             | 01              | 05 năm      |
| <b>D.</b> | <b>Phương tiện hậu cần, đời sống</b>       |                |                 |             |
| 1.        | Nhà tạm                                    | Nhà            | 01              | 05 năm      |
| 2.        | Máy phát điện 3,5 KW                       | Chiếc          | 01              | 05 năm      |



|           |                          |       |                                                           |        |
|-----------|--------------------------|-------|-----------------------------------------------------------|--------|
| 3.        | Ti vi                    | Chiếc | 01                                                        | 05 năm |
| 4.        | Radio                    | Chiếc | 01                                                        | 05 năm |
| 5.        | Máy lọc nước             | Chiếc | 01                                                        | 03 năm |
| 6.        | Nhà bạt Tiểu đội         | Nhà   | 03                                                        | 03 năm |
| 7.        | Téc Inox đựng nước       | Chiếc | 01                                                        | 05 năm |
| 8.        | Bàn ghế xếp              | Bộ    | 01                                                        | 03 năm |
| 9.        | Phản gỗ/người            | Chiếc | 01                                                        | 02 năm |
| 10.       | Xô xách nước             | Chiếc | 07                                                        | 02 năm |
| 11.       | Chậu giặt                | Chiếc | 07                                                        | 02 năm |
| 12.       | Thùng gánh nước          | Đôi   | 03                                                        | 02 năm |
| 13.       | Đèn bão                  | Chiếc | 07                                                        | 02 năm |
| 14.       | Can nhựa loại 20 lít     | Chiếc | 05                                                        | 02 năm |
| 15.       | Can gùi loại 17 lít      | Chiếc | 03                                                        | 02 năm |
| 16.       | Dây điện                 | Mét   | 50                                                        | 03 năm |
| 17.       | Dụng cụ nấu              | Bộ    | Chủng loại, số lượng, niên hạn theo biên chế của từng đội |        |
| 18.       | Dụng cụ chia             | Bộ    |                                                           |        |
| <b>Đ.</b> | <b>Vật chất xăng dầu</b> |       |                                                           |        |
| 1.        | Phuy đựng xăng (200 lít) | Chiếc | 01                                                        | 03 năm |
| 2.        | Bình bọt chữa cháy       | Bình  | 01                                                        | 03 năm |